TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20 – 5 – 2024
V/v "Tranh chấp xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Sim.

Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2024/TLST–HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 về: "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Bùi Thị N, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông Đỗ Văn L, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 18/3/2024 nguyên đơn bà Bùi Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Đỗ Văn L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2000, nhưng không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cải, mặc dù gia đình hai bên đã hàn gắn nhưng không đạt được kết quả. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn,

không cùng chung quan điểm trong hôn nhân, không đem lại hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Văn L.

Về nuôi con chung: Có 02 người con tên Đỗ Chí D, sinh ngày 09/10/2001 và Đỗ Thị Thùy T, sinh ngày 26/02/2006. Hiện các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay do bận công việc và đi lại khó khăn nên bà yêu cầu được xét xử vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Đỗ Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của bà Bùi Thị N.

Tại phiên tòa: Bà N và ông L vắng mặt không có ý kiến trình bày khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Bùi Thị N khởi kiện xin ly hôn với ông Đỗ Văn L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Đỗ Văn L, cư trú tại ấp G, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Bùi Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Đỗ Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà N và ông L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Bùi Thị N và ông Đỗ Văn L chung sống với nhau vào năm 2000 nhưng đến nay không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân giữa bà N và ông L vi phạm quy định về đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ Điều 9 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì bà N và ông L không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà N và ông L không được công nhận là vợ chồng.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 02 người con tên Đỗ Chí D, sinh ngày 09/10/2001 và Đỗ Thị Thùy T, sinh ngày 26/02/2006. Hiện các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà N phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận bà Bùi Thị N và ông Đỗ Văn L là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Có 02 người con tên Đỗ Chí D, sinh ngày 09/10/2001 và Đỗ Thị Thùy T, sinh ngày 26/02/2006. Hiện các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bùi Thị N và ông Đỗ Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng. Bà Bùi Thị N đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003300 ngày 18 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Như